

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 18- 6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tân

Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 29/2019/TLST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30 /2019/HSST- QĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Thành T (tên gọi khác: K), sinh ngày 26/6/2000; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn T 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (sinh 1978) và bà Võ Thị Thanh T (sinh 1982); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/02/2001; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T 2, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T (sinh 1977) và bà Nguyễn Thị Kim U (sinh 1978); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Ông Huỳnh Trung A, sinh ngày 07/6/2002.

Địa chỉ: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Huỳnh Trung P (cha ruột của bị hại).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Trung P.

Trú tại: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông Chế Minh U

Trú tại: Tổ dân phố Đ1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê L. Vắng mặt.

2. Ông Lê Công H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2018, Nguyễn Thành T đến tiệm game 79 (thuộc thôn T1, xã Đ, huyện D) để chơi. Khoảng 14 giờ cùng ngày T ra về, phát hiện xe mô tô BKS 79K4 - 3670 của anh Huỳnh Trung A dựng trước quán, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T rút dây bình, đạp nổ điều khiển xe về nhà. Sau đó, T điều khiển xe trộm cắp được đến trước quán nước mía thuộc khu vực thị trấn D, huyện D bán cho Nguyễn Minh H với giá 220.000 đồng. Khi bán T nói với H xe là tài sản T trộm cắp được nhưng H vẫn đồng ý mua.

Ngày 03/11/2018, H bán lại xe BKS 79K4 - 3670 cho Chế Minh U với giá 250.000 đồng. Khi mất xe, Huỳnh Trung A có đơn trình báo Cơ quan Công an huyện D. Qua truy xét, Cơ quan Công an huyện D đã thu giữ được xe mô tô BKS 79K4 - 3670.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện D, Nguyễn Thành T, Nguyễn Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản kết luận định giá về tài sản số 71 ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện D xác định xe mô tô BKS 79K4 -3670 có giá trị 2.925.000 đồng.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSDK ngày 16/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “ Trộm cắp tài sản” và Nguyễn Minh H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thành T, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết; về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho người bị hại nên không xử lý; về án phí: bị cáo T, bị cáo H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Minh H đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt nhưng có lời khai xác định đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Người bị hại Huỳnh Trung A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung P, ông Chế Minh U vắng mặt nhưng đã có lời khai, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, các quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố liên quan đến việc giải quyết vụ án trên, Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Qua lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2018, Nguyễn Thành T đến tiệm game 79 (thuộc thôn Trung 1, xã Diên Điện, huyện D) để chơi. Khoảng 14 giờ cùng ngày T ra về, phát hiện xe mô tô BKS 79K4 - 3670 của anh Huỳnh Trung A dựng trước quán, không có người trông coi nên đã rút dây bình, đạp nổ điều khiển xe về nhà. Sau đó, T đã bán xe mô tô BKS 79K4 - 3670 cho Nguyễn Minh H với giá 220.000 đồng. Khi bán T nói với H xe T trộm cắp được nhưng H vẫn đồng ý mua.

Bị cáo Nguyễn Thành T đã lợi dụng sự sơ hở của người khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.925.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Minh H biết được tài sản do T trộm cắp được nhưng vẫn mua để bán nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, bản cáo trạng số 25/CT-VKSDK ngày 16/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Nguyễn Minh H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng tội.

Xét hành vi của các bị cáo: Hành vi xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của các bị cáo là nguy hiểm, xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo T đã được gia đình đưa đi cai nghiện tự nguyện nhưng sau khi cai nghiện, bị cáo không tu chí làm ăn, lo chơi bời lêu lổng và thực hiện hành vi phạm tội, nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H, khi thực hiện hành vi

phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo, xét cho bị cáo H được hưởng án treo là phù hợp, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân tốt.

Đối với việc mua bán xe 79K4 - 3670 giữa Nguyễn Minh H và Chế Minh U, Cơ quan điều tra đã xác định Chế Minh U không biết xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Chế Minh U là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Đã trả lại xe mô tô cho người bị hại, không có khiếu nại gì nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T, bị cáo Nguyễn Minh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thành T;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh H;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 288, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thành T 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Minh H 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh H cho UBND xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục.

Quy định: Trong thời gian thử thách: nếu bị cáo Nguyễn Minh H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đối với hình phạt 06 tháng tù đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đối với hình phạt 06 tháng tù đã cho hưởng án treo tại bản án này.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Minh H thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết vì người bị hại không yêu cầu.

3. Về vật chứng vụ án: Đã thu hồi trả lại chủ sở hữu nên không xử lý.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Minh H mỗi bị cáo phải

nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã S;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ân

